

Bản án số: 182/2025/DS -PT
Ngày: 14/5/2025
V/v: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản
và hủy quyết định cá biệt*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Tồn**
Các Thẩm phán: ông **Trần Đức Kiên**
ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Hà**, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 311/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2024/DS-ST ngày 22/7/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1162/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông **Trịnh Xuân Q**, sinh năm 1957. Địa chỉ: **Số B đường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai**. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông **Trần Văn C** là Luật sư của **Văn phòng L4** thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh G**. Có mặt.

2. Bị đơn: bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1942. Địa chỉ: **Tổ C, thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: ông **Hồ Xuân T**, sinh năm 1981; địa chỉ: **Tổ C, khối phố Đ, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam**. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Tuyết S** - Luật sư **Công ty L5**, thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh Q**. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q.**

Địa chỉ: **Số A đường L, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.**

Người đại diện theo uỷ quyền: ông **Trần Văn C1** - Chức vụ: Phó Giám đốc **Văn phòng Đ.** Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.**

Địa chỉ: **Số B đường T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.**

Người đại diện theo uỷ quyền: ông **Cao Ngọc S1** - Chức vụ: Trưởng phòng **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T** (văn bản uỷ quyền ngày 06/5/2024) và ông **Bùi Trọng N** - Chức vụ: Phó Trưởng phòng **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T** (văn bản uỷ quyền ngày 21/6/2024). Vắng mặt.

- Bà **Trịnh Thị M**, sinh năm 1940; vắng mặt.

- Bà **Trịnh Thị L**, sinh năm 1970; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bà **L**: Bà **Nguyễn Thị Tuyết S** - Luật sư **Công ty L5**, thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh Q.** Có mặt.

- Bà **Trịnh Thị L1**, sinh năm 1976; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà **Trịnh Thị P**, sinh năm 1979; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: **Tổ C, thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.**

- Bà **Trịnh Thị H**, sinh năm 1954. Địa chỉ: **Tổ F, xóm B, thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.** Có mặt.

- Bà **Trịnh Thị V1**, sinh năm 1967. Địa chỉ: **Tổ A, thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.** Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông **Trịnh Công T1**, sinh năm 1971. Địa chỉ: **Số A đường L, Tổ G, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.** Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà **Trịnh Thị L2**, sinh năm 1977. Địa chỉ: **Xóm C, thôn H, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.** Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà **Lê Thị L3**, sinh năm 1963. Địa chỉ: **Số B đường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai.** Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày và quá trình giải quyết vụ án:

Cha, mẹ của ông **Trịnh Xuân Q** là cụ **Trịnh H1** (chết năm 1986) và cụ **Nguyễn Thị M1** (chết năm 2008). Trong quá trình chung sống, cụ **H1**, cụ **M1** có 05 người con chung, gồm: bà **Trịnh Thị M**, ông **Trịnh H2** (chết năm 1990), bà **Trịnh Thị N1** (sinh năm 1952, hy sinh năm 1967, chưa có chồng, con), bà **Trịnh Thị H**, ông **Trịnh Xuân Q**. Ngoài ra, cụ **H1**, cụ **M1** không có con riêng hoặc con nuôi nào khác. Cụ **H1**, cụ **M1** chết không để lại di chúc và đã tạo lập được khối

tài sản chung là 01 thửa đất tại **tổ C, thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam**, diện tích 762,4m². Cụ **H1** và cụ **M1** chết không để lại di chúc.

Ông **Trịnh H2** có vợ là bà **Nguyễn Thị V**; ông **H2** và bà **V** có 06 người con chung, gồm: bà **Trịnh Thị V1**, bà **Trịnh Thị L**, ông **Trịnh Công T1**, bà **Trịnh Thị L1**, bà **Trịnh Thị L2 (T2)**, bà **Trịnh Thị P**. Trước đây, trên diện tích đất của cụ **H1**, cụ **M1** có căn nhà cấp 4 để cha, mẹ sinh sống và thờ phụng. Sau đó một thời gian thì vợ chồng anh trai của ông **Q** là ông **Trịnh H2** và bà **Nguyễn Thị V** cũng đến làm nhà sống tại thửa đất này. Năm 2017, được sự thống nhất của bà **V**, vợ chồng ông **Trịnh Xuân Q**, bà **Lê Thị L3** đã xây dựng 01 ngôi nhà thờ trên đất để có chỗ cho con cháu khi về thăm quê hương và thờ phụng ông bà, tổ tiên. Trong thời gian xây dựng nhà thì không có ai tranh chấp hay khiếu kiện gì. Ủy ban nhân dân huyện **T** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 332, tờ bản đồ số 04, diện tích 722m² và **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** đã cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 090688 ngày 21/4/2017 đối với thửa đất số 34, tờ bản đồ số 32 tại **thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam** cho hộ bà **Nguyễn Thị V** là không đúng, vì thửa đất này là di sản thừa kế của cụ **H1**, cụ **M1** để lại. Bà **V** đã tự ý kê khai và được cơ quan Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không được sự đồng ý của hàng thừa kế thứ nhất của cụ **H1**, cụ **M1** là bà **Trịnh Thị M**, bà **Trịnh Thị H** và ông **Trịnh Xuân Q** là trái quy định của pháp luật. Vì vậy, nguyên đơn ông **Trịnh Xuân Q** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do cụ **H1**, cụ **M1** để lại là quyền sử dụng đất đã được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 090688 ngày 21/4/2017 cho hộ bà **Nguyễn Thị V** thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 32, diện tích 762,4m², tại **thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam**;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 090688 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp cho hộ bà **Nguyễn Thị V** vào ngày 21/4/2017 đối với thửa đất số 34, tờ bản đồ số 32, diện tích 762,4m², tại **thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam**;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện **T**, tỉnh **Quảng Nam** cấp cho hộ bà **Nguyễn Thị V** đối với thửa đất số 332, tờ bản đồ số 04, diện tích 722m², tại **thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam**.

Tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 18/5/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông **Trịnh Xuân Q** thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Xác định quyền sử dụng thửa đất số 34, tờ bản đồ số 32, diện tích 762,4m², tại **thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam** mà hộ bà **Nguyễn Thị V** đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 090688 ngày 21/4/2017 là di sản thừa kế của cụ **Trịnh H1**, cụ **Nguyễn Thị M1**.

- Xác định di sản nêu trên thuộc quyền thừa kế, là tài sản chung của các ông, bà: **Trịnh Thị M**, **Trịnh Thị H**, **Trịnh Xuân Q** và **Trịnh H2** (đã chết, có những

người thừa kế, gồm các ông, bà: **Nguyễn Thị V** (vợ), **Trịnh Thị V1**, **Trịnh Thị L**, **Trịnh Công T1**, **Trịnh Thị L1**, **Trịnh Thị L2**, **Trịnh Thị P** (các con)).

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 090688 ngày 21/4/2017 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp cho hộ bà **Nguyễn Thị V** đối với thửa đất số 34, tờ bản đồ số 32, diện tích 762,4m², tại **thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam**.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do **Ủy ban nhân dân huyện T**, tỉnh Quảng Nam cấp cho hộ bà **Nguyễn Thị V** đối với thửa đất số 332, tờ bản đồ số 04, diện tích 722m², tại **thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam**.

Hiện nay, trên diện tích đất tranh chấp không còn nhà cửa, tài sản gì của cụ **H1**, cụ **M1**, chỉ có 01 ngôi nhà nằm trên thửa đất liền kề với thửa đất tranh chấp. Nguyên đơn thống nhất với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 21/01/2022 của Tòa án, không yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá lại tài sản.

* Bị đơn, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:

Bà **Nguyễn Thị V** và ông **Trịnh Hồng kết H3** trước năm 1975 và về sống chung với cha, mẹ chồng. Sau năm 1975 thì về ở trên thửa đất tranh chấp theo diện cải dân. Trước đó thì cha, mẹ chồng của bà **V** cũng ở theo diện cải dân trên thửa đất giáp với thửa đất tranh chấp. Diện tích đất tranh chấp do vợ chồng bà **V** khai phá và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995, cấp đổi năm 2017, nguồn gốc đất được sử dụng trước năm 1980. Bà **V** kê khai, đăng ký và nộp thuế theo quy định của Nhà nước. Năm 2017, ông **Q** về xin bà **V** để làm nhà thờ (ông **Q** góp tiền, bà **V** góp đất) nên trên đất hiện nay có ngôi nhà của bà **V** và ngôi nhà thờ do ông **Q** làm. Khi xây dựng nhà thờ các bên không lập biên bản gì liên quan đến việc làm nhà thờ, chỉ thỏa thuận bằng miệng. Năm 2019, ông **Q** yêu cầu bà **V** tách riêng phần đất có ngôi nhà thờ thì bà **V** không đồng ý. Ngôi nhà cũ của cha, mẹ chồng bà **V** nằm giáp với đất tranh chấp, chứ không nằm trên thửa đất tranh chấp. Bà **V** không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Riêng đối với ngôi nhà thờ mà ông **Q** làm trên đất tranh chấp, nay bà **V** thống nhất để cho ông **Q** tiếp tục thờ cúng, nếu sau này có tranh chấp thì bà **V** sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Bà **V** và ông **H2** có 06 người con chung, gồm: bà **Trịnh Thị V1**, bà **Trịnh Thị L**, ông **Trịnh Công T1**, bà **Trịnh Thị L1**, bà **Trịnh Thị L2** (**T2**), bà **Trịnh Thị P**.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến như sau:

- Bà **Trịnh Thị M** trình bày: cha, mẹ của bà **M** là cụ **Trịnh H1** và cụ **Nguyễn Thị M1**. Trong quá trình chung sống, cha, mẹ bà **M** có 05 người con chung, gồm: bà **Trịnh Thị M**, ông **Trịnh H2** (chết năm 1990), bà **Trịnh Thị N1** (hy sinh năm 1967, chưa có chồng, con), bà **Trịnh Thị H**, ông **Trịnh Xuân Q**. Khi bà **Nguyễn Thị V** về làm dâu thì ở với bà **M** và cha, mẹ bà **M** tại vườn cũ của cha mẹ. Đến năm 1976 thì cha, mẹ bà **M** và bà **M** về ở đất cải dân, chính là thửa đất tranh chấp hiện nay. Cha, mẹ đã cho bà **M** thửa đất tranh chấp và bà **M** ở đây gần 20 năm. Sau đó, bà **M** cho vợ chồng bà **V** diện tích đất này, còn bà **M** về ở bên nhà chồng.

Cha, mẹ cho bà **M** diện tích đất nêu trên và bà **M** cho lại vợ chồng bà **V** không có giấy tờ gì. Khi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà **V** có xin ý kiến bà **M** và được bà **M** đồng ý. Diện tích đất tranh chấp hiện nay là của vợ chồng bà **Nguyễn Thị V** nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bà **Trịnh Thị L** trình bày: bà **L** không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì khi có lệnh cải dân thì cha mẹ bà **L** vào ở tại diện tích đất tranh chấp hiện nay. Năm 1995 thì gia đình bà **L** được Ủy ban nhân dân huyện **T** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp. Năm 2017, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh **Q** cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2020, ông **Q** yêu cầu cắt đất đối với diện tích đất có ngôi nhà thờ mà ông **Q** đã làm năm 2017 nhưng bà **L** không đồng ý.

- Các ông, bà **Trịnh Thị V1**, **Trịnh Công T1**, **Trịnh Thị L1**, **Trịnh Thị L2 (T2)**, **Trịnh Thị P** cùng trình bày: không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng ý với quan điểm của bị đơn.

- Bà **Trịnh Thị H** trình bày: bà **H** đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất tranh chấp do cha, mẹ của bà **H** để lại. Về phần thừa kế của bà **H** được nhận, bà **H** tự nguyện giao cho ông **Trịnh Xuân Q** để thờ phụng ông bà, tổ tiên.

- Bà **Lê Thị L3** trình bày: ngôi nhà thờ xây dựng trên diện tích đất tranh chấp là của vợ chồng bà **L3**, ông **Q** và bà **L3** đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người đại diện theo ủy quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh **Q** trình bày: về nguồn gốc sử dụng đất: hộ bà **Nguyễn Thị V** được Ủy ban nhân dân huyện **T** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định 64-CP đối với thửa đất số 332, tờ bản đồ số 32, diện tích 722m² (theo cơ sở dữ liệu là thửa đất số 34, tờ bản đồ số 32, diện tích 762,4m²). Năm 2012, thực hiện dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai vùng Đông sông **T** và cấp Giấy chứng nhận tại huyện **T**. Ngày 04/7/2013, hộ bà **V** lập thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 34, tờ bản đồ số 32, diện tích 762,4m². Việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 090688 ngày 21/4/2017 cho hộ bà **Nguyễn Thị V** là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xem xét, giải quyết vụ án theo thẩm quyền.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2024/DS-ST ngày 22/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 39, 147, 157, 165, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 612 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 12, 14, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trịnh Xuân Q** đối với bị đơn bà **Nguyễn Thị V** về việc tranh chấp về thừa kế tài sản là diện tích đất

739,8m2 thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 32 tại [thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam](#) (có Trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính kèm theo).

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 090688 do [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q](#) cấp cho hộ bà [Nguyễn Thị V](#) ngày 21/4/2017 đối với thửa đất số 34, tờ bản đồ số 32, diện tích 762,4m2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do [Ủy ban nhân dân huyện T](#), tỉnh Quảng Nam cấp cho hộ bà [Nguyễn Thị V](#) ngày 24/8/1998 đối với thửa đất số 332, tờ bản đồ số 04, diện tích 722m2, tại [thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam](#).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, nguyên đơn ông [Trịnh Xuân Q](#) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà [Trịnh Thị H](#) kháng cáo xác định diện tích đất nêu trên là di sản thừa kế.

Tại phiên tòa hôm nay, phía bị đơn thừa nhận có ngôi nhà thờ do ông [Trịnh Xuân Q](#) xây dựng, bà đồng ý để thờ tự chứ không tách đất làm GCNQSDĐ cho ông [Q](#).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tuyên: không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn ông [Trịnh Xuân Q](#) và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà [Trịnh Thị H](#), giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 35/2024/DSST ngày 22/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án:

[1.1] Xác định người thừa kế: vợ chồng cụ [Trịnh H1](#) (chết năm 1989) và cụ [Nguyễn Thị M1](#) (chết năm 2008) có 05 người con chung, gồm: bà [Trịnh Thị M](#), ông [Trịnh H2](#) (chết năm 1990), bà [Trịnh Thị N1](#) (chết năm 1967, chưa có chồng, con), bà [Trịnh Thị H](#) và ông [Trịnh Xuân Q](#). Ngoài ra, cụ [H1](#), cụ [M1](#) không có con riêng hoặc con nuôi nào khác. Riêng ông [Trịnh H2](#) (chết năm 1990) có vợ là bà [Nguyễn Thị V](#) và 06 người con, gồm: bà [Trịnh Thị V1](#), bà [Trịnh Thị L](#), ông [Trịnh Công T1](#), bà [Trịnh Thị L1](#), bà [Trịnh Thị L2](#), bà [Trịnh Thị P](#). Cụ [H1](#), cụ [M1](#) chết không để lại di chúc nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản thừa kế của cụ [H1](#), gồm: bà [Trịnh Thị M](#), ông [Trịnh H2](#) (chết năm 1990), bà [Trịnh Thị H](#), ông [Trịnh Xuân Q](#) và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản thừa kế của cụ [M1](#), gồm: bà [Trịnh Thị M](#), bà [Trịnh Thị H](#), ông [Trịnh](#)

Xuân Q; riêng ông **Trịnh Hồng C2** trước cụ **M1** nên các con của ông **H2** được hưởng thừa kế thế vị đối với di sản thừa kế của cụ **M1**.

[1.2] Về di sản thừa kế:

Diện tích đất tranh chấp là 739,8m², thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 32 tại **thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam** đã được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 090688 ngày 21/4/2017 cho hộ bà **Nguyễn Thị V**. Trên diện tích đất tranh chấp có: 01 ngôi nhà thờ (do vợ chồng ông **Trịnh Xuân Q**, bà **Lê Thị L3** xây dựng), 01 ngôi nhà ở (của bà **Nguyễn Thị V**), các công trình xây dựng khác và cây cối. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự thống nhất diện tích đất tranh chấp theo như kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ là 739,8m². Như vậy, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong tố tụng dân sự theo khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[2] Xét kháng cáo của của nguyên đơn ông **Trịnh Xuân Q** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Trịnh Thị H** thì thấy:

Theo Công văn số 78/UBND-ĐC ngày 02/10/2023 của Ủy ban nhân dân **xã B, huyện T** (bút lục số 186) cung cấp thông tin cho Tòa án thì kết quả tổ chức họp lấy ý kiến khu dân cư ngày 11/9/2023 đã xác định thửa đất đang tranh chấp thuộc diện di dời dân, tại thời điểm cải dân trên thửa đất có 02 ngôi nhà: 01 ngôi nhà của bà **Nguyễn Thị V** và 01 ngôi nhà của cụ **Nguyễn Thị M1**; trước thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà **Nguyễn Thị V** (theo Nghị định 64-CP), cả bà **Nguyễn Thị V** và cụ **Nguyễn Thị M1** đều không đăng ký, kê khai. Tuy nhiên, qua kết quả xác minh đối với những người tham gia cuộc họp lấy ý kiến khu dân cư ngày 11/9/2023 cũng như lời khai của một số nhân chứng: ông **Trịnh Xuân Q1**, ông **Trịnh Xuân C3**, ông **Lê Huy P1** và ông **Nguyễn Văn Ú** đều xác định nguồn gốc đất là của cụ **H1** và cụ **M1** (BL 23, 24, 25). Riêng ngôi nhà thì không xác định được nhà của cụ **Nguyễn Thị M1** nằm ngoài diện tích đất tranh chấp, hoặc nằm liền kề với thửa đất của bà **Nguyễn Thị V**.

Theo trình bày của bà **Trịnh Thị H** và ông **Trịnh Xuân Q** thì khi bà **Nguyễn Thị V** về làm dâu ở với bà **M** và cha mẹ bà **M** tại vườn cũ của cha mẹ. Đến năm 1976 thì cha mẹ bà **M** và bà **M** về ở đất cải dân, chính là thửa đất tranh chấp hiện nay. Riêng bà **Trịnh Thị M** cho rằng cha mẹ đã cho bà **M** thửa đất tranh chấp và bà **M** ở đây gần 20 năm. Sau đó, bà **M** cho vợ chồng bà **V** diện tích đất này nhưng không có giấy tờ gì, bà **M** về ở bên nhà chồng. Khi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà **V** có xin ý kiến bà **M** và được bà **M** đồng ý.

[3] Xét thấy: Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp 739,8m², thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 32 tại **thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam** đã được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE090688 ngày 21/4/2017 cho hộ bà **Nguyễn Thị V**, mặc dù là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở nhưng trên giấy được cấp không thể hiện sơ đồ nhà ở là mâu thuẫn. Mặt khác, theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án cũng như sự thừa nhận các bên, cùng thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/4/2017 cho bà **V** cũng

là thời điểm bà **V** đồng ý để ông **Trịnh Xuân Q** xây dựng ngôi nhà trên lô đất để thờ cúng. Tại biên bản hòa giải ngày 05/4/2021 (BL 25), bà **V** cũng thừa nhận và đồng ý giữ nguyên ngôi nhà để thờ ông bà. Hiện tại, theo biên bản đo vẽ thẩm định thực tế trên lô đất có 2 ngôi nhà riêng biệt và ranh giới ổn định.

Như vậy, có căn cứ để khẳng định, bà **Nguyễn Thị V** và chồng là ông **Trịnh H2** (đã chết năm 1990) sinh sống với cụ **M1**, cụ **H1** khi thực hiện quá trình cải dân tại lô đất trên. Đồng thời, quá trình sử dụng đất phù hợp các lời khai của người làm chứng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản của bà **V** nhưng không giải quyết ngôi nhà thờ trên đất là không hợp lý, chưa giải quyết triệt để vụ án. Tuy nhiên, ông **Trịnh Xuân Q** chỉ yêu cầu xác định đây là di sản của cụ **M1** để lại chưa chia, dùng một phần để làm nơi thờ tự là phù hợp với truyền thống đạo đức và đúng pháp luật. Tòa cấp phúc thẩm có căn cứ để sửa án sơ thẩm, hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có liên quan.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: ông **Trịnh Xuân Q** và bà **Trịnh Thị H** được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông **Trịnh Xuân Q** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Trịnh Thị H**. Sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2024/DS-ST ngày 22/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trịnh Xuân Q**: Xác định thửa đất số 34, tờ bản đồ số 32 tại **thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam** là di sản của cụ **Trịnh H1** và cụ **Nguyễn Thị M1** để lại.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp cho hộ bà **Nguyễn Thị V** ngày 24/8/1998 đối với thửa đất số 332, tờ bản đồ số 04, diện tích 722m², tại **thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam**.

3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 090688 ngày 21/4/2017 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp đổi lại tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 32, diện tích 762,4m² (đất ở tại nông thôn: 300m², đất trồng cây lâu năm: 462,4m²); địa chỉ thửa đất: **thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam**.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, kê khai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác theo phân thừa kế được giao nhận theo quy định pháp luật đất đai.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông **Trịnh Xuân Q** và bà **Trịnh Thị H** được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tồn